

Bản án số: 06/2023/DS-ST  
Ngày 04 tháng 12 năm 2023  
V/v “Tranh chấp quyền  
sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Trần Đông

Ông Nguyễn Trường Sinh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Liêng Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải tham gia phiên***  
**Tòa:** Ông Diệp Tấn Sỹ- Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 146/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXX - ST ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh ÚT Đ, sinh năm 1952 (Có mặt)

Địa chỉ: số 56/30 đường M, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Chị Hồng Thị C, sinh năm 1976

Anh Thạch Thanh Sa R, sinh năm 1978

Người đại diện theo ủy quyền cho đồng bị đơn: Bà Hồng Thị L, sinh năm 1968 (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2023) (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Minh H, sinh năm 1948

Anh Dương Huỳnh M, sinh năm 1982

Chị Dương Huỳnh A, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: số số 56/30 đường M, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí

Minh.

Ông H, anh M, chị Huỳnh A đồng ủy quyền cho bà Huỳnh ÚT Đ tham gia tố tụng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2017).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2017 các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh ÚT Đ trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ tôi cho tôi vào năm 1976, lúc đó cha còn sống mẹ tôi đã chết và có hợp mặt các anh chị tôi lại gồm các thửa 1033 diện tích 4.356m<sup>2</sup>, thửa 1033A diện tích 3.686m<sup>2</sup> và thửa 1050 diện tích 1.708m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 8 và cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D. Lúc cha tôi cho tôi vì tôi ở Sài Gòn nên các phần đất để lại cho chị thứ năm (Huỳnh Thị L1) là mẹ của Hồng Thị C, Hồng Thị L... canh tác, sử dụng và có đóng lúa cho tôi nhưng tôi không lấy vì để cho chị nuôi các cháu. Năm 1998 tôi đi đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2002 tôi được Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 03 thửa 1033 diện tích 4.356m<sup>2</sup>, thửa 1033A diện tích 3.686m<sup>2</sup> và thửa 1050 diện tích 1.708m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 8 cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D. Năm 1989 chị Huỳnh Thị L1 chết, năm 2008 anh rể tôi là Hồng Văn U chết thì tôi lấy lại phần đất nhưng cháu tôi là Hồng Văn T thuê và để lại cho em gái là Hồng Thị C làm với giá 2.000.000đồng/năm lấy tiền đó phụ đùm giỗ cha, mẹ tôi. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng việc thuê đất chứ không làm giấy tờ, đến tháng 3 năm 2016 tôi có nhu cầu sử dụng đất nên lấy lại thì Hồng Thị C không chịu trả. Nay tôi yêu cầu chị Hồng Thị C và anh Thạch Thanh Sa R phải trả lại cho tôi các thửa đất 1033 diện tích 4.356m<sup>2</sup>, thửa 1033A diện tích 3.686m<sup>2</sup> và thửa 1050 diện tích 1.708m<sup>2</sup> do tôi Huỳnh ÚT Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Tại các Bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 14 tháng 11 năm 2023 và tại phiên Tòa đại diện cho bị đơn là bà Hồng Thị L trình bày:

Nguồn gốc đất này thì tôi không rõ nhưng từ lúc sinh ra đến khi biết làm phụ cha, mẹ thì tôi đã thấy cha mẹ tôi khai thác, canh tác, sử dụng phần đất này từ năm 1953. Đến năm 1989 mẹ tôi chết, năm 2008 cha tôi chết và tôi là chị cả trong nhà nên cũng phụ giúp cha mẹ dọn rừng, dây gốc kèn... cho trồng đất để sử dụng trồng lúa, cha mẹ tôi và các chị em tôi đã cực khổ đóng góp công sức, cải tạo phần đất từ đất rừng thành đất nuôi trồng thủy sản như hiện nay. Do lúc cha tôi bị bệnh các anh chị em tập trung lo cho cha nên không hay biết việc di tôi là bà Huỳnh ÚT Đ đi kê khai đăng ký 03 thửa đất này chứ em tôi không thuê, mượn gì 03 thửa đất này của di Đ. Tôi thống nhất phần đất di tôi tranh chấp có tổng diện tích là 9.750m<sup>2</sup> thuộc các thửa 1033 diện tích 4.356m<sup>2</sup>, thửa 1033A diện tích 3.686m<sup>2</sup> và thửa 1050 diện tích 1708m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 8 và cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D hiện tại các thửa đất do em tôi quản lý, sử dụng. Phần diện tích đo đạc ngày 10/7/2023 do tôi chỉ ranh có vượt quá là 1.361,3m<sup>2</sup> tôi không có yêu cầu phần diện tích vượt quá này vì thực tế gia đình tôi đang quản lý, sử dụng. Tôi không yêu cầu di Đ trả công sức đóng góp, cải tạo trên 03 thửa đất này vì đất này là của cha, mẹ để lại cho chị em tôi. Tôi không đồng ý yêu cầu của di Đ buộc em tôi là Hồng Thị C và em rể là Thạch Thanh Sa R trả lại đất.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng tư cách đương sự; quá trình thụ lý, giải quyết vụ án về thủ tục tố tụng Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh ÚT Đ: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Huỳnh Kim T1 và bà Dương Thị X (là cha, mẹ của bà Huỳnh ÚT Đ) tạo lập nên, từ trước năm 1975 thì bà Đ tham gia cách mạng nên không có ở địa phương. Vào năm 1976 gia đình có họp mặt các anh, chị em lại để bàn việc phân chia số đất này (lúc này ông Huỳnh Kim T1 vẫn còn sống) và thống nhất cho bà Huỳnh ÚT Đ tổng diện tích 9.750m<sup>2</sup> thuộc các thửa 1033 diện tích 4.356m<sup>2</sup>, thửa 1033A diện tích 3.686m<sup>2</sup> và thửa 1050 diện tích 1.708m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 8 và cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D. Năm 1998 bà có đăng ký kê khai vào sổ bộ địa chính và năm 2002 bà được Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong hồ sơ đã thể hiện đầy đủ các lời khai của những người sống lâu năm tại địa phương chứng minh nguồn gốc phần đất này. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh ÚT Đ yêu cầu chị Hồng Thị C và anh Thạch Thanh Sa R phải có nghĩa vụ trả lại tổng diện tích 9.750m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa 1033 diện tích 4.356m<sup>2</sup>, thửa 1033A diện tích 3.686m<sup>2</sup> và thửa 1050 diện tích 1.708m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 8 và cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Buộc chị Hồng Thị C, anh Thạch Thanh Sa R phải tháo dỡ, di dời chòi tre lá diện tích 3m x 3,5m = 10,5m<sup>2</sup>.

Bà Huỳnh ÚT Đ có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản, hoa lợi mà chị C, anh Sa R theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản ngày 14/11/2023.

Ngoài ra các đương sự phải chịu chi phí thẩm định, định giá và án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Huỳnh ÚT Đ khởi kiện yêu cầu bà Hồng Thị C, anh Thạch Thanh Sa R trả lại tổng diện tích 9.750m<sup>2</sup> thuộc các thửa 1033 diện tích 4.356m<sup>2</sup>, thửa 1033A diện tích 3.686m<sup>2</sup> và thửa 1050 diện tích 1.708m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 8 và cùng tọa lạc ấp A, xã B do bà đứng tên quyền sử dụng, đây là quan hệ tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải.

[2] Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh ÚT Đ đối với chị Hồng Thị C và anh Thạch Thanh Sa R, nhận thấy:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Huỳnh Kim T1 và bà Dương Thị X (là cha, mẹ của bà Huỳnh ÚT Đ) tạo lập nên, từ trước năm 1975 thì bà Đ tham gia cách

mạng nên không có ở địa phương. Vào năm 1976 gia đình có họp mặt các anh, chị em lại để bàn việc phân chia số đất này (lúc này ông Huỳnh Kim T1 vẫn còn sống) và thống nhất cho bà Huỳnh ÚT Đ tổng diện tích 9.750m<sup>2</sup> thuộc các thửa 1033 diện tích 4.356m<sup>2</sup>, thửa 1033A diện tích 3.686m<sup>2</sup> và thửa 1050 diện tích 1.708m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 8 và cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D. Năm 1998 bà có đăng ký kê khai vào sổ bộ địa chính và năm 2002 bà được Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về quá trình sử dụng đất bà Đ cho rằng lúc chị ruột và anh rể của bà là bà Huỳnh Thị L1 và ông Hồng Văn U (là cha, mẹ của bà Hồng Thị C, Hồng Thị L) còn sống bà có cho anh, chị mượn đất canh tác để nuôi cháu vì lúc đó bà ở Sài Gòn cũng chưa có nhu cầu sử dụng đất này, thấy anh chị con đông lại ít đất nên bà cho mượn đất làm để cải thiện thu nhập. Sau này chị và anh rể bà chết thì cháu là Hồng Thị C và cháu rể là Thạch Thanh Sa R tiếp tục thuê đất của bà để làm và giao kèo hàng năm lo tiền đám giỗ ông, bà ngoại phụ phần của bà nhưng không làm hợp đồng. Tại các biên bản xác minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Duyên Hải đã làm rõ vấn đề này. Cho thấy việc bà Huỳnh ÚT Đ có cho chị Hồng Thị C và anh Thạch Thanh Sa R thuê đất là có thật.

[3] Ngày 04/8/2023 Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải có lập Công văn số 174/CV-TA đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cho ý kiến về việc kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh ÚT Đ. Ngày 19/10/2023 Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải có Công văn số 1587/UBND-NC trả lời về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm cấp đất, các thời kỳ đăng ký sổ bộ địa chính đều cho thấy các thửa đất 1033 diện tích 4.356m<sup>2</sup>, thửa 1033A diện tích 3.686m<sup>2</sup> và thửa 1050 diện tích 1.708m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 8 cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D nguồn gốc là của ông Huỳnh Kim T1 sử dụng từ trước năm 1983, sau năm 1983 cho lại con gái ruột là bà Huỳnh ÚT Đ.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định phần diện tích đất tranh chấp có tổng diện tích 9.750m<sup>2</sup> thuộc các thửa 1033 diện tích 4.356m<sup>2</sup>, thửa 1033A diện tích 3.686m<sup>2</sup> và thửa 1050 diện tích 1.708m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 8 cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh ÚT Đ.

[4] Về yêu cầu của đại diện bị đơn yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ diện tích 9.750m<sup>2</sup> thuộc các thửa 1033 diện tích 4.356m<sup>2</sup>, thửa 1033A diện tích 3.686m<sup>2</sup> và thửa 1050 diện tích 1.708m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 8 và cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D được cấp quyền sử dụng và công nhận phần đất này cho bà C là không có cơ sở để Tòa án xem xét, chấp nhận. Do đại diện bị đơn không có yêu cầu phản tố về phần công sức cải tạo, đóng góp trên phần đất nên không xem xét, giải quyết.

[5] Bà Huỳnh ÚT Đ phải trả giá trị phần tài sản là hoa lợi, lợi tức mà chị Chon, anh Sa Rây đã trồng trọt trên phần đất được Hội đồng định giá là 6.113.440 (Sáu triệu một trăm mười ba ngàn bốn trăm bốn mươi) đồng. Bà Huỳnh ÚT Đ được toàn quyền sử dụng các tài sản có trên phần đất tranh chấp thuộc thửa 1033, 1033A và 1050 cùng tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc chị Hồng Thị C, anh Thạch Thanh Sa R phải tháo dỡ, di dời chòi tre lá

diện tích  $3m \times 3,5m = 10,5m^2$  nằm trên diện tích đất tranh chấp để trả lại hiện trạng cho bà Huỳnh ÚT Đ.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà Huỳnh ÚT Đ đã nộp tạm ứng là 16.750.000 (Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng, chi thẩm định, đo đạc và định giá là 16.550.000 (Mười sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng bà Đ được nhận lại 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tại Văn phòng Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải.

Buộc bà Hồng Thị C và ông Thạch Thanh Sa R phải nộp 16.550.000 (Mười sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải để hoàn trả lại cho bà Huỳnh ÚT Đ. Bà Huỳnh ÚT Đ được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng là 16.550.000 (Mười sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ nên buộc chị C, anh Sa R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Huỳnh ÚT Đ là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn, giảm án phí nên bà phải chịu án phí trên phần giá trị tài sản mà bà được nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng các Điều 257, 258, 259, 260 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh ÚT Đ yêu cầu chị Hồng Thị C và anh Thạch Thanh Sa R phải có nghĩa vụ trả lại tổng diện tích  $9.750m^2$  đất thuộc các thửa 1033 diện tích  $4.356m^2$ , thửa 1033A diện tích  $3.686m^2$  và thửa 1050 diện tích  $1.708m^2$  cùng tờ bản đồ số 8 và cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh đã được Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp giấy chứng nhận cho bà. Đất có tứ cận như sau:

+ Thửa 1033A (ký hiệu A)

Phía Đông giáp thửa 1031

Phía Tây giáp thửa 1033A

Phía Nam giáp kênh xáng

Phía Bắc giáp thửa 878 và 880

+ Thửa 1033 (ký hiệu D)

Phía Đông giáp thửa 1031A, 1032

Phía Tây giáp thửa 1033, 1034 và 1049

Phía Nam giáp thửa 1050

Phía Bắc giáp kênh xáng.

+Thửa 1050 (ký hiệu E)

Phía Đông giáp thửa 1032, 1052

Phía Tây giáp thửa 1049

Phía Nam giáp thửa 1051

Phía Bắc giáp thửa 1033

*(Kèm theo sơ đồ đo đạc thửa đất tranh chấp ngày 28/7/2023)*

Buộc chị Hồng Thị C, anh Thạch Thanh Sa R có nghĩa vụ giao trả lại tổng diện tích  $9.750\text{m}^2$  đất thuộc các thửa 1033 diện tích  $4.356\text{m}^2$ , thửa 1033A diện tích  $3.686\text{m}^2$  và thửa 1050 diện tích  $1708\text{m}^2$  cùng tờ bản đồ số 8 và cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh cho bà Huỳnh ÚT Đ được quản lý, sử dụng.

Buộc chị Hồng Thị C, anh Thạch Thanh Sa R phải tháo dỡ, di dời chòi tre lá diện tích  $3\text{m} \times 3,5\text{m} = 10,5\text{m}^2$  nằm trên diện tích đất tranh chấp để trả lại hiện trạng cho bà Huỳnh ÚT Đ.

Bà Huỳnh ÚT Đ có nghĩa vụ trả giá trị hoa lợi, lợi tức có trên đất do chị Hồng Thị C và anh Thạch Thanh Sa R trông trọt được Hội đồng định giá là 6.113.440 (Sáu triệu một trăm mười ba ngàn bốn trăm bốn mươi) đồng. Bà Huỳnh ÚT Đ được toàn quyền sử dụng các tài sản có trên phần đất tranh chấp thuộc các thửa 1033, 1033A và 1050 cùng tờ bản đồ số 8 và cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện D do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà Huỳnh ÚT Đ đã nộp tạm ứng là 16.750.000 (Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng, chi thẩm định, đo đạc và định giá là 16.550.000 (Mười sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng bà Đ được nhận lại 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tại Văn phòng Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải.

Buộc chị Hồng Thị C và anh Thạch Thanh Sa R phải nộp 16.550.000 (Mười sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải để hoàn trả lại cho bà Huỳnh ÚT Đ. Bà Huỳnh ÚT Đ được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng là 16.550.000 (Mười sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh ÚT Đ nên buộc chị Hồng Thị C, anh Thạch Thanh Sa R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Huỳnh ÚT Đ phải chịu án phí phần giá trị hoa lợi, lợi tức có trên đất mà bà được hưởng là 305.672 (Ba trăm lẻ năm ngàn sáu trăm bảy mươi hai) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0013019 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải nên bà được nhận lại 7.194.328 (Bảy triệu một trăm chín mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi tám) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật

5. Đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Thảo**